

## LUẬN PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

### QUYỂN 2

“Bồ Tát Di Lạc khen rằng tốt”: Vì đã kiết tập pháp lớn sáu độ ấy làm một phần, đấy tức là Bồ Tát tạng.

Đoạn kiết: Nghĩa là đoạn trừ các kiết sử vọng kiến. Sự việc thành đạo quả Đại thừa là Nhất thiết trí. Tôn giả A-nan chỉ nói nghe, không nói thấy, chả lẽ không thấy Như Lai thuyết pháp sao? Sở dĩ nói thấy là vì chẳng phải vậy, là vì bốn bộ trong vị lai mà không được nói thấy. Giả thiết nói là thấy, thì bốn bộ chúng sau này, lại vâng theo A-nan, nói thấy thì là giả dối. Do vậy, nên chỉ nói là nghe mà không nói thấy là như thế.

Đầu tiên, Phật thuyết pháp, hóa độ năm người như A Nhã Câu Lân v.v.. Ở nước Ma-kiệt-đà, thu phục ba anh em Ca-diếp. Thích Sí tức Ca Tỳ La Vệ. Nếu không được nêu nơi chốn nói kinh, chỉ xưng tại Xá vệ vì Phật ở Xá Vệ trải hơn hai trăm năm. So sánh với các nước, thì Phật ở đấy rất lâu. Sở dĩ ở lâu, là vì nước ấy tươi đẹp, với nhiều loại châu báu, dân chúng đông đúc thịnh vượng, rất có nghĩa lý.

Tỉnh Xá Kỳ Thọ, có thần nghiệm khác thường. Ngay khi chúng Tăng đang tụ tập ở giảng đường, các khỉ vượn, có đến vài ngàn con tụ tập ở bên trái, phải để xem, nghe. Cảnh trí tịch mịch, không có tiếng động, các loài chim khắp mọi nơi đều tụ tập về đây. Đúng giờ nghỉ, chúng Tăng đều trở lại chỗ nghỉ của mình, khi có tiếng kiền chùy thì lại đến tập họp.

Ở đây, do đất nước có nhiều người nhân từ, nên đủ các loài đến nương tựa Phật, hoặc là nơi tạm dừng để thọ thỉnh, hoặc là chỗ ở gốc, để từ đấy dùng thần lực đến các nơi khác hóa độ, rồi có chỗ trở về. Do vậy chỉ xưng Xá Vệ, là đủ biết sự quan trọng của chỗ này. Tại trú xứ này có tên của hai người: Kỳ Hoàn, Cô Độc, được gọi rất riêng biệt vì

hai người ấy, nay đang ở trên cõi Trời; trước khi mất cũng tập hợp chư Thiên, thuyết pháp, giáo hóa. Bấy giờ, có tâm niệm: “Chúng ta vốn là đàn việt đầu tiên của chúng Tăng, tên gọi của chúng ta há không được khen ngợi ư? Vì muốn thích hợp với tâm niệm kia, nên mới gọi riêng tên hai người.

“Nói sẽ tu một pháp...”. Nghĩa là cũng chẳng phải thuyết pháp theo trình tự. Xét về việc Phật thuyết pháp, khi đầu tiên thành đạo, phải từ vườn Lộc Dã, ở thành Ba La Nại, nói bốn đế là bắt đầu. Tiếp theo, đến Ma Kiệt, thâu phục ba anh em Ca-diếp, nhân đó mà gọi tên của chủ Tinh xá kia. Lại nữa « nói sẽ tu một pháp », nghĩa là dùng một pháp này cùng với bốn pháp, thì nghĩa vị ấy cũng không khác, vì một pháp cũng đoạn kiết, bốn pháp cũng đoạn kiết, tất cả đều cùng tiến đến Niết-bàn, nẻo đường thì khác mà vẫn quy về một chỗ.

Tổng số kiết là hai mốt, diễn nói thành ba sáu, về số dù có đầy, vui, nhưng đều là kiết. Thông thường thì sự có một trăm, một khi mở ra, lại là tám vạn bốn ngàn, là vì một pháp thì dù với ngàn, vạn cũng đều thẳng tiến tới đạo mà thôi; cũng như sư tử giết voi, voi giết hổ, đều cùng là cái chết. Do nghĩa lý không khác biệt, cho nên đều khởi đầu từ một pháp. Không phóng dật, là tôn chỉ của một pháp.

Hoặc có ý hỏi: “Giới lẽ ra phải ở trước, vì trước hết là phải vâng giữ giới, sau đó mới nhớ nghĩ đến ba Tôn”?

Hoặc có ý nói: “Đấy chỉ là người mới học; trước nghĩ đến ba ngôi, tức ba tự quy, vận dụng ý ở Phật, Pháp, Chúng, để tiếp theo, thọ giới, do đấy mà nói đến giới. Giới nên ở sau dứt niệm thứ tư, giải thích: “Nghĩ đến nỗi khổ của thân nhân tính, nghĩa là quán thân với ba mươi sáu vật bất tịnh mà phát lộ việc xấu ác của mình, để tự giác ngộ, có thể nhờ vậy mà thành đạo”.

Lấy gì để chứng minh?

Xưa, có Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, đi khất thực, gặp con gái của một trưởng giả cùng khất thực. Người nữ và Tỳ-kheo, thấy đều đoan nghiêm. Người con gái khi thấy Tỳ-kheo, bèn khởi tưởng dục. Tỳ-kheo trông thấy cô gái, cũng khởi ý dục, ý động, tay run, nên trút cơm vào bát, làm rơi vãi xuống đất, cô gái tự cười tinh quái. Tỳ-kheo thấy rằng cô gái trắng quá, liền tự giác ngộ: “Trong miệng cô gái chỉ là xương thô xấu, như lời Phật đã nói: “Trong thân người có ba trăm hai mươi xương, có sáu trăm lông, bảy mươi vạn mạch, chín mươi vạn lỗ lông, một lỗ vào, chín lỗ xuất, tiết ra những thứ nhơ, không có một thứ nào đáng tham. Quán sát kỹ thật đúng thân cô gái có ba sáu vật thảm thương mà

rùng mình, chuyển sự suy xét này tự biết thân không, liền được đạo Tu-đà-hoàn”. Lại tự cảm thấy: “Ta nhân có cô gái mà thấy pháp, như vậy cô gái là thiện tri thức của ta. Nay ta phải trả ơn. Liền vì cô gái mà giải thích quán pháp trong thân. Tâm cô gái lập tức được mở và cũng được đạo Tu-đà-hoàn. Do đấy, mới nói niệm thân là thù thắng”.

Niệm tử, là nghĩ đến con người khi phước đã hết, mạng chung, thấy điếm địa ngục, kinh sợ quá, té phân. Hoặc thấy nga quỷ, hoặc thấy súc sinh, tùy những chỗ bị đọa hiện hành mà thấy, đều sợ hãi, với ý muốn bỏ đi. Hoặc bị các cảnh lôi kéo, hoặc sẽ sinh trong cõi người, duyên vào sự giao hợp của cha mẹ. Nếu thọ thai nam, thì sẽ yêu người nữ kia, nếu thọ thai nữ, thì sẽ yêu người nam kia, trừ người nữ kia bệnh, ba việc khó không sai khác, ấy là được vào thai. Đã thọ thai, lại nhìn nhận cho là cái mình có. Cứ bảy ngày, một lần chuyển đổi tinh xảo hơn, gió cắt từng khắc, đến ba mươi tám tuần, thai mới thành hình đầy đủ.

Nếu sinh cõi Trời, thì có nhạc Trời đến đón, vui mừng khôn xiết, đến nỗi tiểu tiện ra ngoài. Điềm báo của năm đạo này đều có cảnh hiện thấy.

Cái chết này ứng với người tu hành, dùng nó như sự răn dạy sáng suốt, sâu xa, chỉ sự vô thường, mạng chuyển mau chóng như ánh chớp, như vầng mây bay qua nóc nhà. Lão, bệnh, tử đến, đều không tránh khỏi. Thường xuyên nghĩ đến trạng thái biến đổi này để tự giác ngộ, nên nói là nghĩ đến cái chết. Mười niệm trước, đức Phật tự nói, vì chưa có người nào hỏi, nên Phật không giải thích. Mười niệm sau, Tỳ-kheo hỏi, Phật lại vì họ mà diễn nói, mỗi mỗi đều giải thích rõ ràng.

“Đệ tử của Thế Tôn”, nghĩa là năm trăm A-la-hán, mỗi vị đều có phương tiện, hoặc trí huệ Câu-luật-đà, hoặc thần túc, hoặc biện tài, hoặc phước đức, hoặc giữ giới, hoặc tri túc, hoặc thuyết pháp, ấy là căn cứ vào hạnh nổi trội nhất của mỗi vị.

Muốn luận bàn trước là anh, sau là em, thì A-nhã-Câu-lân, lớn hơn hết, còn Tu Bạt là nhỏ nhất. Đây dựa ở giáo vị trong Phật pháp làm chính. Nếu dựa vào thông minh, hiền trí, rộng suốt, để làm bậc đứng đầu, thì đấy chính là pháp của Bà-la-môn.

Nói “Một ngàn hai trăm năm mươi người”, là đơn cử con số những người thường xuyên theo hầu Phật. Hoặc nói: “Năm trăm người”, ấy là khi đức Phật tiếp nhận lời thỉnh cầu của A Nậu Đạt, thì tìm chọn lấy năm trăm người có thể cùng đi theo Phật đến cung Long Vương”. Vì sao? Vì tuổi A Nậu Đạt này chẳng phải mang hình dáng kẻ hữu lậu mà có thể vượt qua an toàn.

Khi A-nan xuất kinh, đã tập hợp tám vạn bốn ngàn La Hán. Do đấy, nói không thể kể đếm là vậy.

Kinh này, lúc mới xuất, có một trăm người, đứng đầu về sự thông suốt bốn bộ. Mỗi vị đứng đầu lại có hai trăm hai mươi vị. Ngoài ra, há có thể kể?! Có người lại nói: “Kinh này vốn có trăm sự, A-nan phó chúc cho Ưu-đa-la. Sau mười hai năm, kinh Tăng Nhứt A-hàm xuất hiện, thì A-nan đã bát Niết-bàn. Các Tỳ-kheo đều lo tập ngội thiền, không tụng, tập. Lại còn nói: Phật có ba nghiệp mà tọa thiền là thứ nhất, thế là các Tỳ-kheo đều bỏ đở đọc tụng kinh suốt mười hai năm”.

Tỳ-kheo Ưu-đa-la lại bát Niết-bàn. Đó là lý do kinh này mất đi chín mươi sự.

Pháp sư nước ngoài, thầy trò truyền nhau chỉ bằng cách truyền khẩu, không cho biên chép thành văn. Bấy giờ, họ đã truyền khẩu đến mười một sự mà thôi, và kể từ thời điểm ấy, các sư chính thức lần lượt kế thừa nhau, nên mới có văn hiện nay. Tuy nhiên, Kinh của Tát-bà-đa-bộ không có tựa. Sau này, mười một sự, được lưu truyền rộng rãi, thời gian lâu, thiếu sót càng thêm nhiều. Sở dĩ A-nan riêng phó chúc Kinh Tăng nhất cho đệ tử Ưu-đa-la, đó là vì người này từ thời theo bảy vị Phật đến nay đã từng tu tập tất cả trong Tăng Nhứt A-hàm. Các vị Thánh trước cũng đã phó chúc đến kinh này, thời kỳ đấng Năng Nhân chuyển pháp luân, cũng thường khuyến khích đề cập đến Tỳ-kheo ấy.

Bấy giờ, đệ tử của Ưu-đa-la tên là Thiện Giác, theo thầy thọ lãnh, tụng Tăng Nhứt, đúng là có mười một sự. Sau đó, Ưu-đa-la bát Niết-bàn.

Các luận sư nước ngoài đều cho, ba tạng hiện nay, đều được truyền thừa do Thiện Giác, và thầy trò đã truyền trao nhau cho đến nay, không thay đổi. Thế cho nên, Ca-diếp thường gọi A-nan là « Cậu bé » (tiểu nhi) ấy là cố ý dùng gia pháp nhiều đời theo như ý cha mà truyền tiếp, để huấn thị A-nan. Lúc ấy, em gái của A-nan là Tỳ-kheo ni, nghe Tôn giả Ca-diếp nói lời như vậy, nên tỏ vẻ hờn dỗi không thích, nói: “A-nan, anh tôi rất thông minh, hoạt bát, thông đạt, mọi người ai cũng ngưỡng mộ, trọng vọng, mà Tôn giả lại cho là trẻ con!?”

Tôn giả Ca-diếp nói với Tỳ-kheo ni: “Em cả à! A-nan có hai việc đáng xấu hổ, sao em lại hờn dỗi? Chánh tọa A-nan khuyên Phật độ cho người mẹ, đã khiến cho Phật pháp bị giảm đi ngàn năm, là một. A-nan có tất cả sáu mươi đệ tử. Ngày gần đây, có ba mươi Tỳ-kheo trở lại đời sống thế tục, Phật dạy pháp độ đệ tử, nếu là người tại gia thì phải có niềm tin tự tìm đến cầu đạo, phải thử thách bảy ngày; còn nếu là người

ngoại học đến cầu đạo, cần trải qua bốn tháng thử thách. Vì sao không bằng nhau? Vì nhà ngoại đạo, hoặc do lòng dạ xấu ác, muốn tìm tòi sở trường, sở đoản. Chính vì lẽ đó, nên trước hết phải thử thách xem để biết là họ có chí thành hay không? Tuy nhiên, A-nan lại tùy tiện, hễ có ai đến cầu đạo, ấy là độ ngay, là hai việc đáng xấu hổ.

Ba mươi Tỳ-kheo này, sở dĩ hoàn tục, là vì nghe nói trong chín mươi sáu đạo, A-nan là Đẳng trí bậc nhất, nên theo A-nan là để cầu độ, nghĩa là muốn thỉnh thọ Đẳng trí, nhưng A-nan không nói cho Đẳng trí, vì không hợp với bốn tâm. Đây là lý do khiến họ trở lại thế tục. Đã trở lại, tất nhiên, họ chê bai A-nan, cho A-nan không có Đẳng trí. Độ đệ tử, ví như cá đẻ con, hằng ngàn, ức, vạn, nếu để tâm giáo hóa nói nghiệp thì sẽ thành tựu, ngược lại nếu không để tâm, tức sẽ thối lùi. Vụ việc này há không phải đáng xấu hổ ư ?!

Tỳ-kheo ni này, vì do tâm giận dữ hướng về Ca-diếp, tức thì hiện thân vào địa ngục, còn A-nan do có khuyết điểm ấy, nên Ca-diếp mới gọi “Cậu bé”.

A-nan lại dẫn chuyện xa xưa. Đó là Chuyển Luân Thánh vương, tên là Trường Thọ. Tiếp nhận giáo huấn để lại của Đại Vương cha, lên ngôi cai trị, giáo hóa. Khi sắp xuất gia, lại căn dặn và ủy thác cho thái tử Thiện Quán, phải dùng chánh pháp trị nước, sự trị nước lần lượt truyền trao cho nhau, chưa từng cho ai tạm thay thế. Xưa, do cha con nối tiếp nhau, nay do thầy trò truyền thừa nhau. Xưa, còn không mất giáo hữu lậu, huống chi ngày nay, há phải mất đi diệu pháp chí chơn hay sao? Nên dẫn để chứng minh, nhằm chứng tỏ Thiện Quán kia, ắt có khả năng tiếp nhận được ý nghĩa của sự di chúc.

“Đối với pháp, phải nghĩ nhớ và cung kính”. Nghĩa là trong kệ trên, đã phán quyết Tứ A-hàm là của ba tạng. Trong trường hàng, lại nói: “Trong một kệ là có thể đủ các pháp của ba tạng, huống chi là Tăng Nhứt, mà không hội đủ các pháp ư ?

Sở dĩ như vậy là có một đoạn kệ nói: Trong tâm các thiên tử, sinh ý nghĩ: A-nan không có khả năng tác kệ nói pháp. Vậy sao lại tạo ra sự lừa dối làm gì?!

A-nan biết cảm nghĩ trong tâm của các thiên tử, nên nói với các thiên tử: “Giả sử kinh mà tám vạn bốn ngàn con voi đã chở đó, đều là kệ, tụng, thì ta cũng có đủ khả năng trong số kệ tụng như vậy, huống chi với một ít pháp này, mà A-nan lại không có khả năng sáng tác hay sao?

Vì muốn làm vừa ý chư thiên, nên A-nan lại dùng kệ tụng các

pháp, để khuyến dụ chư thiên và những chúng sinh lợi căn, nên nghe kệ để được giải thoát!

Pháp, tức chương trên:

*“Chớ làm các việc ác  
Nên vâng làm các thiện  
Ý của mình trong sạch  
Là giáo pháp chư Phật”.*

Nói đó là pháp, do nó có công năng hoàn thành ba thừa, dứt trừ ba nẻo ác, đủ các thật quả, tiếp nhận quả báo của hai đời, rồi tùy của tài có hơn, kém, mà thiết lập sự khuyến dụ tu hành tinh tấn.

Tụng nói:

*“Trên, duy trì ba tạng  
Tiếp theo, bốn A-hàm  
Hoặc thường thọ Luật tạng  
Tức báu của Như Lai”.*

Sở dĩ nói báu, ấy là thí dụ: Như vua có kho báu thì không thể cho người ngoài biết được, chỉ có nội thần người đồng tâm với vua, mới cho nắm giữ nó mà thôi. Giới, luật cũng như thế. Nếu người nào có khả năng gìn giữ hai trăm năm mươi giới cùng với năm trăm sự, thì mới truyền trao cho người đó, không thể để cho người bộ ngoài, thanh-tín-nữ-sĩ có thể xem chơi. Cho nên mới ví dụ là báu của vua. Giả sử sức không thể hiểu hai tạng, nhưng gìn giữ theo A Tỳ Đàm thì cũng có thể hàng phục chín sáu lối hẹp của ngoại đạo. Lối vào thì cũng trở về gốc. Vì sao? Vì diệu huệ không có sự so sánh này, có khả năng quyết định sự trì trệ vi tế nói trên, khiến cho thông suốt như thế, ngang bằng Chân đế. Tuy họ có năm thông trụ kiếp, nhưng chưa thoát khỏi bị chế phục bởi bốn ngựa chạy nhanh (sinh, lão, bệnh, tử). Thế nên, ngoại học chẳng dám dòm ngó. A-nan, người khuyến dụ hay, đã xưng lên mười kệ ấy, đúng là vì ba vạn Trời, người này.

Khi xưa, lúc Phật mới thành đạo, ở vườn Lộc dã, thuộc thành Ba La Nại, vì năm người A Nhã Câu Lân v.v..., chuyển xe pháp bốn đế. Đức Phật nói: “Câu Lân phải biết! Khổ đế, khổ tập đế, khổ tận đế, khổ xuất yếu đế.

Trực tiếp nói về bốn đế này, Câu Lân do trở ngại ở Hữu đã lâu nên nghe nói trí tuệ mà ý vẫn không giác ngộ, bèn Phật lại vì giảng nói về Không : Câu Lân phải biết ! Lại trở ngại bốn tuệ ấy, tất cả đều không, cũng lại vô thường, ví như trò ảo thuật biến hóa, không phải thật, không phải có.

Câu Lân liền hiểu và được dấu ấn Kiến đạo. Còn bốn người chưa hiểu, Như Lai lại quán bốn tâm của họ có hai người bệnh vương mắc ở tướng, lại ưa suy tư nhớ nghĩ gia đình, buông lung năm dục, tham luyến, mãi không bỏ. Có bệnh nào phải dùng thuốc nấy, nên Phật giảng cho tam muội vô tướng : Cái mà các ông tướng, tham luyến đều sẽ trở về diệt mất ; cố vì cái tâm rong ruổi ấy, buông bỏ những gì ưa thích, thì mọi suy tưởng kia tức liền cởi bỏ ». Phật nói xong hai người kia đạt được dấu ấn vào đạo. Còn tâm của hai người còn lại, thường nguyện được sinh vào trời Phạm ; ở trời Phạm làm vua. Vương lụy vào ham muốn này không thoát ra được, chồng chất càng thêm. Như Lai thấy được tâm họ như vậy, liền giảng nói vô nguyện: “Vi sở nguyện của ông các là mong cầu được làm Phạm thiên vương, không lấy việc ra khỏi ba cõi làm chính (xuất yếu) các mong cầu kia dù toại nguyện nhưng đều sẽ trở về với bào môn, hủy diệt, vô thường. Cái đang tồn tại còn phải xả bỏ, cái mong cầu nên lấy xuất yếu làm trước tiên ». Phật nói xong, hai người còn lại liền hiểu và được dấu ấn vào Đạo.

Năm người đều có những ràng buộc khác nhau, nên cách cởi bỏ cũng khác.

Đó gọi là ba chuyển bốn đế. Nghĩa là trong Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, đều có bốn đế. Đế tức là quán ; định tức là chỉ. Thật hành song song chỉ, quán, nhằm đối trị chứng bệnh si ái trong ám trì nhập.

Mười hai, nghĩa là phá mười hai nhân duyên.

Xưa, khi Đức Phật còn tại thế, Ngài đã vì bốn bộ thuyết pháp. Hoặc nói về bốn đế, hoặc thuyết giảng về sáu độ, tùy thuận chúng sinh thích hợp nghe, Ngài đều vì họ diễn nói rộng ra, không có lượng thường định. Hoặc Quốc vương, Trưởng giả, Phạm chí, Cư sĩ; đến thỉnh cúng dường, hoặc đến thỉnh hỏi, họ đều đáng được Phật nói pháp. A-nan hỏi: “Sao gọi là phải nói, nghe ư ? Phải nói thấy ư ?

Phật bảo A-nan: “Ở vị lai về sau, khi bốn bộ nói pháp, phải nói là nghe, không được nói là thấy. Nếu nói thấy, tức là giả dối. Vì sao? Vì nghe đã là quá khứ, thấy, nghĩa là hiện tại. Như bầy Phật ở quá khứ, đúng phải nói là nghe, không được nói thấy. Ông đối với vị lai, cũng lại như thế, nên nói: “Nghe như vậy”. Ta sợ dĩ ân cần căn dặn A-nan nhiều, là vì chư Phật quá khứ dù có người hầu cận, nhưng không có ai bằng A-nan biết rõ ý Phật. Từ nhiều kiếp xa xưa, A-nan đã từng cúng dường hai mươi ức Phật, thường xuyên làm người hầu, không cầu dứt hết lậu, thường xuyên nguyện được Đăng trí, biết được ý nghĩ sâu xa của Phật, do vậy, nên nay được quả báo đạt Đăng trí. Mắt xem, ý vận dụng,



không mất quy tắc thích nghi, tinh tấn dũng mãnh ở trong chư Phật.

“Không có vị Phật nào vượt qua Thích Ca văn”: Trong anh em, Di Lặc lẽ ra phải ở trước. Nay trái lại ở sau là sao?

Thuở xa xưa, trước đây ba mươi kiếp, có ba Bồ Tát ở chung trên núi. Khi đi dạo, trông thấy có con cọp đói muốn ăn thịt con mình, một người có cảm nghĩ: “Con cọp này, đã là súc sinh, lại ăn thịt con của nó, khi chết, sẽ chịu mọi thống khổ, vì làm mẹ lại không có lòng lành. Thân hiện nay của ta, do bốn đại hợp thành. Sự hội hợp rồi cũng sẽ trở về với cái chết, ta phải dùng thân để cứu mạng cọp con kia. Người thứ hai không chịu vậy, mới định đến chợ mua thịt, dùng thay cho mạng cọp con. Người kia lại nghĩ: “Nếu người này đi mua rồi trở lại, thì mạng cọp con sẽ không bảo toàn. Vả lại, cũng phải gieo mình từ núi xuống, mới cứu vớt được mạng cọp con kia, liền từ núi gieo mình xuống dưới, đứng ngay miệng cọp mẹ. Thân được yên ổn, vì cọp mẹ không dám ăn. Lý do vì sao? Vì phạm người nhập tam muội Từ, thì thú vật, khó có thể làm hại, nên người ấy phải dùng thanh tre đâm mình chảy máu, khiến cho cọp ăn được”.

Do sự dũng mãnh này, tức đã vượt qua tới chín kiếp. Nay, Ta ở trước Bồ Tát Di Lặc là vậy. Đã nói là đạo thì không có trước, sau, ý quyết định làm trước, thế nên, nay ta thành Phật trước. Vì thế, ta để lại những sách này, ủy thác cho A-nan: “Ở đương lai, ông sẽ nói là: Nghe như vậy:”.

Vì sao lại nói một thuở nợ? Vì là số mặt trời, mặt trăng, hay vì là tên người?

- Cũng là số thời tiết, cũng là ở tên con người.

Hoặc nói: “Lại có hai danh; hoặc Sát Đế Lợi; hoặc Bà-la-môn”. Lại có hai danh: Hoặc dòng Trưởng giả; hoặc dòng cư sĩ. Hoặc ở trên cõi Trời, hoặc ở trong cõi người. Như thế, phần nhiều, hoặc chẳng phải là một xứ, nên nói là một thuở nợ.

Bà Già Phạm, là danh xưng của Thế Tôn. Kiết sử đều tận, không ai có thể vượt qua, nên xưng là Tôn. Chư Thiên ba cõi đều quay về kính ngưỡng, tám bộ quỷ thần cũng đều tôn kính, hàng phục các ma, nên gọi Thế Tôn. Danh xưng như thế, không thể tính đếm, đo lường, nên có hiệu Thế Tôn.

Kỳ thọ, vườn Cấp Cô Độc: Thái tử Kỳ Đà là con người vợ cả của vua Ba Tư Nặc, có tám mươi thửa vườn, ruộng, đất bằng phẳng, cây cỏ tốt tươi, có đủ các loài cầm thú, ban ngày chúng thường cùng nhau đến tụ tập.



Tâm của Kỳ chỉ có mỗi hình bóng Phật, luôn có ý định xây cất tinh xá cho Phật trên khắp thửa ruộng ấy. Trưởng giả Tu Đạt lại đến xin mua. Kỳ ít thân thiện với Trưởng giả, mỗi khi vui đùa, hay nói chơi là bằng lòng bán.

Tu Đạt được ý quyết định của Kỳ, nên rất hài lòng, hớn hởi, lập tức nói với người hầu cận: “Người hãy nhanh chóng trang bị cỗ xe voi, để ta chở vàng ròng đến trải dưới đất; tức thì vác vàng ra, tập hợp trải trên mặt đất, chỉ trong khoảng chốc lát, vàng ròng đã được lót đầy bốn mươi thửa”. Kỳ lại nói: “Thôi thôi! Ta nói chơi với nhau thế, đừng trải vàng khắp nữa! Lập tức Tu Đạt với Thái tử cùng đến chỗ vua, tâu lên ý này. Vua nói: “Pháp không có hai lời nói. Đã hứa quyết tâm rồi, thì nhất định về lý, không chấp nhận có sự ăn năn!” Kỳ nói: “Ta nhận lấy phần cây, còn khanh lấy đất. Hai người hợp tác, có thể lập chung tinh xá, gồm có bảy hai giảng đường, một ngàn hai trăm năm mươi phòng nhà, trong đó, đất bằng phẳng, với rừng cây ăn quả xum xuê, tươi tốt, suối chảy; ao tắm, điều hòa lạnh, ấm, bốn phía trong sạch, sáng sủa, mùa đông, mùa hạ không thay đổi”.

Trang nghiêm xong, cùng cung thỉnh Đức Thế Tôn đến xem. Đức Thế Tôn cùng với một ngàn hai trăm năm năm Tỳ-kheo đi dạo và nghỉ ngơi trong khu vườn đó. Đoàn việt cúng dường bốn thứ cần dùng không thiếu. Các phủ của vương hầu, các quan cự trào, cao niên, được nhường ở trước. Thế nên, các kinh thường xưng Kỳ là người đứng hàng đầu, vì lẽ công đức liên tục nhau, cho nên tên gọi cũng không được rời nhau, phải thường xuyên kết hợp dùng làm danh xưng.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Vì sao không bảo thanh tín sĩ nữ, mà chỉ bảo với Tỳ-kheo? Vì lẽ chúng Tỳ-kheo ở bốn bộ đều là người đứng đầu. Hơn nữa, lại là chủ phá ác, dùng pháp vô lậu để đoạn trừ các hữu lậu. Vì lý do này, nên trước hết, bảo Tỳ-kheo, cũng gọi Sa-môn. Sa-môn, tâm được thôi dứt, chấm dứt sự đời đời, dục cũng lặng bật, không có vướng mắc, cũng gọi là Trừ cận. Người đời đời khát về sắc dục, người Tỳ-kheo loại trừ tưởng đời đời khát về ái ái”.

Đức Thế Tôn thuyết pháp, Tỳ-kheo có khả năng tiếp nhận, đoạn trừ sinh tử, tiến đến cổng Niết-bàn, thế nên, Phật bảo Tỳ-kheo mà thôi.

Phải tu hành một pháp. Nghĩa là niệm Phật. Niệm sự nào của Phật? Thân kim cang của Phật, không có các lậu. Nếu bước đi, chân Phật rời khỏi mặt đất bốn tấc, dấu vết về tướng hoa văn như ngàn cặm xe hiện trên mặt đất. Các trùng, kiến dưới chân Phật đều được yên ổn suốt bảy ngày, nếu đến lúc mạng chung, đều được sinh lên cõi Trời.

Xưa, có một Tỳ-kheo ác, vốn là ngoại đạo, muốn giả trang phục để chê bai, đuổi theo Như Lai đang đi, giết nhiều trùng bay, đem nhét dính chỗ dấu chân Phật, rồi nói là Đức Phật đạp, sát hại trùng. Nhưng dù trùng đã chết mà gặp ngay chỗ dấu chân Phật, lập tức được sống lại. Nếu Như Lai đi vào thành, ấp, chân đạp lên ngưỡng cửa, là trời đất sẽ chấn động, hằng trăm thứ nhạc cụ không vỗ đánh mà tự kêu, các người mù, khiếm thính, câm, ngọng, lưng gù, tàn tật, một trăm bệnh tật đều tự nhiên khỏi hẳn.

Với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật, nếu có người nào trông thấy, rồi đi theo, đều được Phật độ, công đức của Như Lai đã cứu giúp, thật sự không thể tính kể. Huệ sáng suốt của Phật đã soi rọi, há có thể chê bai được ư ?!

Phật, chủ của các pháp, đều hội đủ vạn hạnh, lấy sự hóa độ làm ưu tiên. Gọi là niệm Phật, nghĩa ấy là như vậy. Còn niệm Pháp là thế nào?

- Pháp, nghĩa là gồm pháp vô lậu, pháp không có dục, pháp đạo, pháp vô vi, từ dục cho đến không có dục.

Phật là chủ của các pháp. Pháp là chủ của kết, sử. Hoặc có người hỏi: “Phật ở trước hay pháp ở trước?”

Đáp: Pháp ở trước.

Vì sao biết thế?

- Vì kinh nói: “Pháp sinh ra chư Phật, pháp sinh đạo Phật. Do đây mà nói, thì pháp ở trước. Lại nói: “Nếu như vậy thì vì lẽ gì không niệm Pháp trước, mà niệm Phật trước?”

Đáp: “Pháp dù vi diệu không người có khả năng biết, cũng như ngọc báu chôn giấu trong đất, không có chỗ nào không có, mà người nghèo thì vẫn khốn khổ, thiếu thốn về vật dụng, tiền của, phải nhờ người có thần thông, chỉ cho họ biết chỗ chôn giấu của báu, để họ được dùng, để tự họ cung cấp, hoặc để cứu giúp kẻ nghèo thiếu”.

Hoặc hỏi: “Vật quý báu là trội hơn hay con người là trội hơn ư?..

- Đáp: “Con người vượt trội hơn”.

Vì lẽ gì, nói trội hơn?

- Vật quý báu chôn giấu dù có nhiều, nhưng nếu không phải người có thần thông thì sẽ không xem thấy. Chỉ con người mới cần tiền của làm vật riêng tư. Chẳng lẽ kho báu tự nó quý ở trong đất ư? Pháp cũng như thế. Về lý, Pháp dù huyền diệu, nhưng không phải Như Lai thì không có biện minh, không phải Đức Thế Tôn thì không có sự thông suốt; vì thế, nên niệm Phật ở trước, lấy Pháp làm thứ yếu.

Niệm Tăng là sao?

Tăng, nghĩa là Bốn hướng, Bốn quả, Mười hai Hiền sĩ, từ bỏ thói tham lam, thói tranh chấp của đời, triển khai phước làm con đường đầu, đi suốt qua con đường Trời, người, là ruộng phước tốt quý của chúng sinh.

Lấy gì chứng minh Tăng là ruộng phước tốt quý?

- Xưa, có Tỳ-kheo phước mỏng, tên là Phạm Ma Đạt, ở trong chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị, khiến cho chúng Tăng không được ăn, mà chẳng biết là lỗi của ai? Do vậy, Đức Phật bèn chia ra hai bộ. Trong một bộ, lại khiến một bộ không được ăn. Lại chia một bộ này làm nửa bộ; lại khiến phân nửa bộ này không được ăn.

Như thế, lần lượt phân nửa, cho đến hai người, cũng không được ăn, bèn đến độc thân, mới biết là mình không có phước. Đi khát thực tại chỗ, tuần tự đến ở bát, tự nhiên tiêu hóa. Đức Phật thương xót tai ách của họ, nên tự tay trao thức ăn ngay trong bát. Vì bị thần lực ngăn, nên lại không tiêu hóa được, Phật muốn khiến thân này được phước, nên cho hai Tỳ-kheo diệt tận đứng ở bên trái, phải, dùng thức ăn thí cho hai Tỳ-kheo diệt tận ấy.

Thông thường, hành tam muội diệt tận, tức thì được phước. Tiếp theo, lại khiến nhập tam muội từ, Tỳ-kheo ở bên trái, phải. Tiếp theo, dùng hai bi, tiếp theo, dùng hai hỷ, tiếp theo dùng hai hộ (xả), mỗi pháp đều thay thế khắp, khiến tu được bốn đẳng.

Bấy giờ, Vua Ba Tư Nặc nghe nói Phật xót thương cho Tỳ-kheo phước mỏng về cái ăn, liền nói: “Nay, trăm cũng vì lập phước, sẽ phân phát sai sứ đem gạo đến cung cấp. Lúc ấy, có một con chim bay tới ngậm một hạt gạo bay đi. Sứ nhưn quở: “Vua vì Phạm Ma Đạt mà thiết lập phước, sao người lấy đem đi? Con chim vội vàng đem hạt gạo trả lại chỗ cũ”.

Vì sao thế?

- Vì Tỳ-kheo này, nhờ sức phước của chúng Tăng, cho nên chim, thú đã không thể xâm hại. Dùng minh chứng này, nên biết được chúng Tăng là ruộng phước tốt quý.

Đã độ mình, lại có khả năng độ người, tiến đến đạo ba thừa. Pháp niệm Chúng, nghĩa ấy là như vậy.

Tiếp theo, niệm Giới, “Nghĩa ấy là thế nào?”

Từ Năm giới, Mười giới, Hai trăm năm mươi giới, đến năm trăm giới, đều dùng để cấm, để chế phục thân, miệng, chế phục những nguy hiểm tà quấy. Chế ngự những nguy hiểm của sáu tình (căn), dứt trừ các

niệm dục, trong ngoài thanh-tịnh là hợp với tánh giới.

Xưa, có hai Tỳ-kheo, cùng đi đến chỗ Phật. Con đường đi nằm vắt qua đầm rộng, thiếu nước uống. Lúc ấy, có nước uống nơi ao nhỏ, các trùng đầy dẫy trong đó. Một Tỳ-kheo suy nghĩ kỹ về luật cấm, quyết không vi phạm làm hàng đầu. Nếu uống nước này, thì sát sinh rất nhiều, thà ta vâng giữ giới hoàn toàn dù mất mạng, chớ không để phải ân hận. Ở đấy mạng chung, người này liền sinh lên cõi Trời.

Một Tỳ-kheo tự suy nghĩ: “Cần phải uống nước để bảo toàn mạng sống, mới có thể đến chỗ Phật, đâu biết sau khi chết, sẽ sinh cõi nào? Liền uống nước, tức đã sát hại rất nhiều trùng và đã đến chỗ Phật. Mặc dù được thấy Phật, nhưng lại cách rất xa lời chỉ dạy, khóc lóc hướng về Đức Phật tự nói: “Đồng bạn mạng chung”. Phật liền chỉ lên trời nói: “Ông có biết vị trời này không? Đây là bạn ông, do công đức giữ giới hoàn toàn, liền sinh lên cõi Trời, nay đến ở đây. Dù ông thấy ta, nhưng cách ta rất xa, còn người kia dù mất mạng, nhưng vẫn thường xuyên ở chỗ ta. Nay ông đến thấy ta, chỉ có thể xem là đã thấy hình sắc của ta thôi, há nhận thức được giới chí chơn cao đẹp?” Do đấy mà nói, vâng giữ giới không vi phạm, thì mong muốn là được.

Trong mười niệm, Giới ở trước, trong sáu độ thì Thí ở trước. Sở dĩ trước, không bằng nhau là vì Giới trong mười niệm, là giới của nhà Thanh-văn. Đối với đệ tử, trước tiên là dùng pháp kiểm soát thân, cho nên nói ở trước. Pháp của Bồ Tát lấy huệ thí làm trọng. Vì sao? Luận về Bồ Tát, đã sinh trong Trời, người, thì tâm luôn giúp ích. Cốt yếu của sự giúp ích không phải chỉ cho mà không cứu. Luận về chúng sinh, thì thân mạng, hiện có phải dùng áo, cơm, cho nên dùng Tài thí, trước nhằm cứu giúp hình hài chúng, sau đó, đem pháp để gom thu, chế ngự tâm thức họ, cho nên Bồ Tát dùng thí làm trước.

Luận về giới, có hai: Có giới thế tục, giới của đạo. Năm giới, Mười thiện là giới thế tục, Ba tam muội là giới đạo. Hai trăm năm mươi đến năm trăm giới, cũng là giới thế tục, diệu huệ bốn đế là giới đạo. Chỉ thực hành giới an, không ra khỏi ba cõi, dùng huệ chế ngự giới, sao cho trở thành vô lậu, mới là hợp với giới đạo. Giới của nhà Thanh-văn, ví như đóa hoa trên đầu gối, hễ cử động thì hoa rã rời tan tát. Giới của Bồ Tát, ví như đóa hoa cài trên đầu, đi, đứng không lay động. Nghĩa là sao? Tiểu thừa kiểm soát hình, hễ lay động thì vượt oai nghi. Bồ Tát lãnh hội tâm, không câu nệ phép tắc bên ngoài. Về mô phạm dù lớn nhỏ, Bồ Tát, Tiểu thừa đều khác nhau, hình, tâm là điểm khác biệt, trong, ngoài dù đặc thù, nhưng cũng đều cùng tiến đến Niết-bàn, cho nên nói là là

niệm Giới.

Niệm Thí sở dĩ được đến Niết-bàn, là vì Thí có Tài thí, Pháp thí. Có thể từ nhân thí của cải mà đạt được thí pháp, để trở thành bố thí Ba-la-mật, được đến Niết-bàn.

Niệm Thiên, là từ cõi dục, cõi sắc, đến trời cõi vô sắc. Trời có hai hạng: Có trời thọ hưởng phước, có trời đạo đức. Các trời Tu-đà-hoàn ở cõi Dục, ly khai vĩnh viễn ba nẻo ác, tiến lên nhà đạo. Cõi sắc, cõi không, có tám Tịnh cư thiên, tăng thêm việc tu chỉ, quán, tiến lên thành vô lậu, tức Niết-bàn, không trở lại thế gian.

Trời phạm phu: Nghĩa là tu hành Mười thiện, Bốn thiên, Bốn không, sẽ được sinh vào cõi Trời này thọ hưởng phước, khi phước hết, sẽ đọa trở lại, lưu chuyển không dứt.

Sở dĩ gọi niệm Thiên, vì những điều đó đều đắc đạo. Họ chuyên tâm, không buông thả, mến mộ những việc mình làm, ý không phân tán, dong ruổi, vì cũng đến Niết-bàn, nên nói là Niệm Thiên.

Niệm thôi dứt: (Hưu tức) Nghĩa là tâm, ý, tưởng dứt, năm dục không khởi, vắng bật, định vĩnh viễn, nên nói là thôi dứt.

Thông thường dứt cũng có hai thứ: Ngoại đạo, Phạm chí ép xác (khổ hạnh) để cầu phước, cũng nói là dứt. Bốn quả Sa-môn, tiêu diệt vĩnh viễn các kiết, mới chính là dứt đúng nghĩa.

Do đâu biết như thế?

Xưa, có Tỳ-kheo tên là Tu-la-đà, đến thành Xá Vệ, đi giáo hóa khắp nơi. Lúc ấy, ở phía Tây thành này, có xứ Ương Quật Ma, là chỗ có thể giết người. Đất ở đó bằng phẳng, rộng, có nhiều cây cối. Khi đó, có một Phạm chí đang ngồi thiền dưới tàng cây, ông ta không ăn năm thứ lúa thóc; chỉ ăn quả của loài cỏ, nếu không có quả, thì ăn rau, cỏ, để nối tiếp tinh khí. Thân mặc áo bằng lá cây, hình thể ốm yếu, đi phải chống gậy.

Bấy giờ, Tu-la-đà đi từ xa đã trông thấy, cho là đạo sĩ, liền ngồi thiền xem thử tâm người kia để biết là có định hay không? Nhận thấy tâm người ấy, vốn có mưu cầu lên làm vua nước này, nên suy nghĩ: “Người ấy chính là giặc lớn đấy! Lúc đầu ý định bỏ đi, nhưng sợ về sau, sẽ đọa vào tội, đồng thời cũng muốn giáo hóa, tất nhiên, ông ta sẽ không theo lời ta nói. Cần phải tìm phương tiện để độ ông ta mà thôi”. Tính toán rồi, liền đến bên một gốc cây, ngồi thiền, cách chỗ người đó không xa. Trải qua bảy ngày không lay động. Sau bảy ngày, đứng dậy, Tu-la-đà đến trước vị Phạm chí ấy, gảy ngón tay cho biết và nói: “Trong cơ thể ông bạn như thế nào?”. Một hồi lâu, Phạm chí thông thả ngẩng

đầu, đáp: “Tôi nghèo, tẩn tiện cũng không lấy gì để lại cho nhau, thì làm sao?”.

Tỳ-kheo lại nói:

- Nay ta sẽ để lại cho ông một vật.

Tức thì hóa ra một con gà, và nói: “Ông có thể giết con gà này để ăn”. Tở vẻ sợ hãi, Phạm chí nói:

- Ta còn không giết kiến, rận, huống chi là giết gà? Tỳ-kheo nói:

- Bản tâm ông là muốn giết vô số người. Nay giết con gà này, đâu đủ để nói.

Phạm chí lại nói:

- Thế nào là giết vô số người? Tỳ-kheo bảo:

- Ông vốn ngồi thiền ở đây, chính vì mưu cầu được làm vua nước này. Vua trị vì, giáo hóa một ngày, có thể giết mấy người? Mà nói không giết? Con gà này tức là “con gà thức” trong tâm ông, là có thể được đạo vô vi, đâu dùng đến Quốc vương làm gì?.

Phạm chí kia liền suy nghĩ: “Tỳ-kheo này đã biết rõ ý nghĩ trong tâm ta, tất nhiên là Thánh nhơn? Vậy ta phải theo lời giáo hóa của người ấy”.

Tỳ-kheo Tu-la-đà lại vì ông ta mà thuyết pháp, làm cho Phạm chí kia được dấu ấn đạo.

Thân hình Phạm chí này dù tĩnh lặng, nhưng vì tâm không thôi dứt; tự mình giết được “con gà thức” rồi, mới có thể gọi là thôi dứt. Cho nên sau đó giải thích đó là thôi dứt Tâm-ý-tưởng-kiến.

Niệm Thân: Quán ba mươi sáu vật xấu, biểu lộ sự bất tịnh của thân, nhớ nghĩ chắc chắn, không tán loạn, cũng được Niết-bàn.

Do đâu biết được?

Xưa có Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, thường đi khát thực, ăn bên bờ sông, ăn xong, rửa bát. Lúc ấy, tại gò mả bên bờ sông ở thượng lưu, có thi thể của người nữ mới chết. Gió thổi, tóc thiếu nữ bỗng nhiên rơi ngay vào trong bát. Tỳ-kheo, tay cầm mớ tóc này, nhìn kỹ thấy rất tốt đẹp, liền tâm nghĩ miệng nói: Không thể là đuôi ngựa, tóc này lại rất nhuyễn, không thể là tóc của con trai, vì rất mềm, buộc lại, không thể tách ra, tất nhiên là tóc của thiếu nữ, đúng là trời buộc lại, không thể tách rời ra; bèn nảy sinh ý nghĩ: “Người như thế, với tóc này tất nhiên là tuyệt đẹp, gương mặt như sắc hoa đào; mắt như minh châu, mũi như ống trúc cắt; miệng như hoa hàm-đan (ngậm sen), mày như nét ngài, tác ý phân biệt như thế xong, liền khởi tâm dục, xuôi theo dòng nước, tìm kiếm cái nhan sắc mà mình tưởng tượng ra đó, đeo đuổi, tìm kiếm

mãi không thôi. Chợt thấy một người nữ bị chôn, sói ăn thịt đã hết một nửa, thân hình thối rửa, nhưng tóc cô ta vẫn còn. Tỳ-kheo cầm mở tóc so sánh, giống nhau về dài, ngắn. Từ đó, ý tưởng dục tự nhiên được giải. Lại quán lại, để phân biệt, suy nghĩ về người nữ này, lúc còn sống, chắc chắn vóc dáng, dung mạo xinh đẹp, nay hư hoại, khiến người ta được chứng kiến. Trước đây đã khởi tưởng dục chỉ vì thân tham ái dục, nên mới nảy sinh ý nghĩ như thế. Thân người nữ kia đã như vậy, thì thân ta cũng đâu có khác gì!? Như thế chắc chắn thân ta là do bốn đại hợp thành, khi phước hết, duyên lìa, tự nhiên giải tán. Quán xét tâm biến động xong, tức thì đạt được dấu ấn đạo. Vì thế nên nói Niệm Thân, là được quả Sa-môn.

Niệm tử. Nghĩa là nghĩ đến người đang sống, thọ mạng không ngừng, mất đi các căn tan rã, như cây hư mục, cho đến khi mạng căn đoạn tuyệt. Phải luôn nhớ nghĩ chẳng có gì là thường còn, để tự giác ngộ.

Xưa, có Tỳ-kheo tên Bà-kiết-lê, ngôi thiền, hành đạo, trải qua nhiều năm, mà hữu lậu không dứt trừ, bệnh hoạn đến với thân mình làm lụy hại thêm lớn, thường nghĩ tới việc tự sát. Sở dĩ con người không được chí đạo, là vì hình dáng có ngôi ngay thẳng, nhưng thân này lưu chuyển triền miên, biết đến lúc nào mới có thể dứt, chỉ có thể dùng tay cầm dao tự sát cho xong. Nhưng suy nghĩ lại, nhớ Đức Thế Tôn có răn dạy: Các đệ tử không được tự hại. Mặc dù như thế, nhưng nay ta muốn cầu Niết-bàn, trong Niết-bàn đâu cần có thân, thế nên trước hết ta trừ bỏ thân, để nhận lấy chánh vô vi. Liền cầm dao tự hại. Đầu vừa rơi, tâm cũng liền thấu suốt, tức được A-la-hán.

Đức Phật biết là đã được đạo, bèn ra lệnh cho các Tỳ-kheo Xà-duy (thiêu đốt) thi thể ấy. Thế nên, niệm Tử cũng được Niết-bàn là vậy.

Mười niệm trước là Phật nói tổng quát, vì chúng sinh căn nhạy bén, về sau Phật nói lại, là vì chúng sinh căn chậm lụt, phải phân tích, giải thích nghĩa ấy.

Danh dư: Về sau, được Chuyển Luân Thánh Vương. Được quả báo lớn, nghĩa là về sau sẽ được Thiên Đế Thích.

Các điều thiện khắp đến. Nghĩa là về sau, sẽ thu được quả báo ở cõi Phạm Thiên.

Được vị cam lộ: Nghĩa là về sau, sẽ được Bích-chi-Phật. Đến xứ vô vi. Nghĩa là về sau, thu được quả A-la-hán.

Mười niệm nói ở trên, không có năm luận chứng (câu) này. Nay, sở dĩ vì lợi ích của quả báo, vì muốn chứng minh về nghĩa của niệm Phật,



mà lý ấy thì rất thâm diệu.

Phật nói: “Các đệ tử bát Niết-bàn, đều dùng duyên đời trước, đền bù đối với nhân thọ nhận Niết-bàn...”

Năm trăm đệ tử như thế, mỗi vị đều dùng duyên đời trước, nhận lấy sự diệt độ, chỉ có A-nan là rất khéo trong việc thọ nhận Niết-bàn: Khi sắp muốn Niết-bàn, trước hết thể hiện điềm lành ánh sáng.

Có Phạm chí theo A-nan để học về thuật toán số, thấy sắc diện của A-nan phát sáng, liền báo với nhà vua: “Sắc diện của Tôn giả A-nan trông có vẻ khác thường, sắp muốn thọ nhận Niết-bàn. Nhà vua vội sai người tìm và theo dõi A-nan.

A-nan đem theo năm trăm đệ tử, đến giữa đường, trên bờ sông Hằng, đang muốn vượt qua, vừa ra tới giữa sông thì Vua cũng đã đến tới bờ. Tỳ-xá-ly vâng mạng A-nan đến, cũng sai năm trăm đồng tử đón tiếp, vì muốn vừa ý của hai nước, nên dùng thần lực ngăn chặn chiếc thuyền, khiến cho thuyền dừng lại ngay chính giữa dòng.

Bấy giờ, A-nan độ đệ tử; một là Ma-thiên-đê, hai là Ma-thân-đê; rồi bảo Ma-thiên-đê: “Ông hãy đến Yết Tân, để chấn hưng Phật pháp, vì ở cõi nước đó chưa có Phật, pháp, nên truyền bá cho tốt!”. Bảo Ma-thân-đê: “Ông hãy đến nước Sư Tử để chấn hưng Phật pháp, sao cho thịnh vượng”.

Phó chúc xong, tạo ra mười tám biến hóa, phát lửa đốt thân. Phân nửa ngọc xá lợi để cho hai nhà, mỗi nhà đều được cúng dường. Đây là do sức của niệm Phật, nên được tự tại.

